TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2023/DS-PT
Ngày: 08 - 6 - 2023
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trần Duy Tuấn;

2. Ông Nguyễn Văn Bằng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 90/TLPT-DS, ngày 26/4/2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", do Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2022/DS-ST, ngày 19/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2023/QĐ-PT, ngày 22/5/2013, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Phi T; nơi cư trú: Tổ dân phố M, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Mỹ H; nơi cư trú: Tổ dân phố M, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Huỳnh Thị Thanh C; địa chỉ: Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Văn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2022 (được sửa đổi, bổ sung ngày 28/11/2022), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hồ Phi T trình bày có nội dung như sau:*

Do có mối quan hệ quen biết, nên ông Hồ Phi T có cho vợ chồng ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Mỹ H vay số tiền là 450.000.000 đồng. Đến ngày 28/02/2017, ông

T cho ông S, bà H vay thêm 190.000.000 đồng, nên đã viết cộng dồn và lập Giấy mượn tiền ngày 28/02/2017, theo đó ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Mỹ H vay của ông T tổng số tiền gốc là 640.000.000 đồng và hai bên đã ký Giấy mượn tiền đề ngày 28/02/2017; về lãi suất hai bên thỏa thuận miệng (không ghi vào giấy vay), nếu trả đúng hạn thì tính là 1,6%/tháng, còn nếu chậm trả thì tính là 1,8%/tháng; thời hạn vay là 12 tháng sẽ thanh toán cả gốc và lãi 01 lần.

Để bảo đảm khoản vay, thì vợ chồng ông S và bà H đã thế chấp cho ông T quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại tổ dân phố 9, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, diện tích 164,1m2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 2787xx do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 21/7/2009 cho hộ ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Mỹ H. Sau đó hai bên đã đến Văn phòng công chứng E lập Hợp đồng vay tiền thế chấp tài sản ngày 28/02/2017 và được công chứng, chứng thực theo quy định. Hai bên chỉ lập hợp đồng có công chứng và không thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm.

Sau đó, ông T cho ông S và bà H vay thêm số tiền 20.000.000 đồng, nên tổng số nợ gốc mà ông S và bà H còn nợ là 660.000.000 đồng. Đến ngày 10/02/2018, ông Trần Văn S đã ký Giấy khất nợ, xác nhận số tiền nợ là 660.000.000 đồng, hẹn 01 tháng sau sẽ trả cả gốc và lãi. Đến hạn, mặc dù ông T đã yêu cầu thanh toán nợ nhiều lần nhưng ông S và bà H vẫn chưa trả được bất kỳ khoản nợ gốc và lãi nào. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Mỹ H phải trả cho ông T số tiền nợ gốc là 660.000.000 đồng và tiền lãi suất theo mức 1,2%/tháng, kể từ ngày 28/02/2017 cho đến khi trả hết nợ.

**/ Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn S, bà Nguyễn Thị Mỹ H và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày có nội dung như sau:*

Trước đây vợ chồng ông S, bà H và ông Hồ Phi T có quan hệ vay mượn tiền với nhau nhiều lần. Đến ngày 28/02/2017, thì vợ chồng ông S, bà H và ông T có chốt nợ với nhau và lập Giấy mượn tiền ngày 28/02/2017, theo đó vợ chồng ông S, bà H còn nợ ông T số tiền 640.000.000 đồng. Đối với số tiền chốt nợ này, thì 300.000.000 đồng là tiền gốc của khoản vay năm 2015, còn lại 340.000.000 đồng là tiền lãi kể từ thời điểm vay đến ngày 28/02/2017, tuy trong giấy mượn tiền ngày 28/02/2017 hai bên không ghi lãi suất, nhưng từ khi vợ chồng ông S, bà H vay của ông T thì hai bên đã thỏa thuận miệng lãi suất vay là 02%/tháng, không có thỏa thuận thời hạn trả nợ, mà chỉ thỏa thuận khi nào có tiền thì vợ chồng ông S sẽ trả cho ông T.

Sau ngày 28/02/2017 (ông S, bà H không nhớ rõ thời gian), do khó khăn nên vợ chồng ông S vay thêm ông T số tiền 20.000.000 đồng, hẹn thời gian trả vào ngày 24/4/2018, lãi suất 02%/tháng. Theo đó, tổng số nợ gốc vợ chồng ông S, bà H còn nợ ông T là 660.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 24/3/2018 mà ông S đã cung cấp cho Tòa án. Đối với giấy mượn tiền viết tay và Hợp đồng vay tiền thế chấp tài sản có công chứng ngày 28/02/2017 do ông T cung cấp cho Tòa án, thì ông S, bà H xác nhận đúng là do vợ chồng ông, bà ký với ông T. Để được vay tiền, thì vợ chồng ông S đã thế chấp cho ông T quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0

2787xx do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 21/7/2009 cho hộ ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Mỹ H.

Vợ chồng ông S và bà H thừa nhận, từ ngày 28/02/2017 cho đến nay chưa trả được cho ông T được khoản tiền vay nào. Việc ông T khởi kiện, thì vợ chồng ông S, bà H đồng ý trả cho ông T số tiền gốc là 660.000.000 đồng, còn khoản tiền lãi mà ông T yêu cầu là 1,2%/tháng cho đến khi trả hết nợ, thì vợ chồng ông S, bà H không đồng ý, bởi vì số tiền 640.000.000 đồng hai bên chốt nợ ngày 28/02/2017, thì đã bao gồm cả tiền gốc và lãi suất. Nguyện vọng của ông S và bà H là xin được trả dần số tiền nợ cho ông T, nhưng hiện nay do điều kiện khó khăn, nên khi có tiền thì sẽ trả chứ không biết chính xác sẽ trả bao nhiêu và thời hạn trả.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2022/DS-ST, ngày 19/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

1. Áp dụng các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự; các Điều 117, 118, 119, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hồ Phi T.

Buộc ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Mỹ H phải trả cho ông Hồ Phi T tổng số tiền 1.209.288.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Trường hợp ông S, bà H trả hết nợ cho ông T, thì ông T phải trả lại cho ông S, bà H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 2787xx do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 21/7/2009, đứng tên Hộ ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Mỹ H (Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 31, diện tích 164,1m^2).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/12/2022, bị đơn ông Trần Văn S có đơn kháng cáo, với nội dung: Bản án sơ thẩm xét xử chưa thỏa đáng về việc tính lãi suất, vì số tiền vay đã cộng gốc và lãi, chốt nợ là số tiền 660.000.000 đồng; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét về việc tính lãi suất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bị đơn và cho rằng việc bản án sơ thẩm buộc vợ chồng ông S phải trả số tiền lãi 549.288.000 đồng là chưa phù hợp, vì nếu tính mức lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì số tiền lãi phải trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm chỉ là 438.449.334 đồng, nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại về phần tiền lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Theo Giấy mượn tiền ngày 28/02/2017, Hợp đồng vay tiền thế chấp tài sản ngày 28/02/2017 và các Giấy khất nợ, thì vợ chồng ông Trần Văn S, bà Nguyễn Thị Mỹ H có vay và còn nợ ông Hồ Phi T số tiền gốc là 660.000.000 đồng; bị đơn cho rằng trong số tiền 640.000.000 đồng đã bao gồm cả nợ gốc và lãi, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó bản án sơ thẩm buộc ông S và bà H phải trả cho ông Hồ Phi T số tiền gốc và lãi 1.209.288.000 đồng, là có căn cứ và phù hợp với pháp luật, nên kháng cáo của ông Trần Văn S là không có cơ sở chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn S, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2022/DS-ST, ngày 19/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn S, xét thấy:

[1] Vợ chồng ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Mỹ H nhiều lần vay tiền của ông Hồ Phi T. Đến ngày 28/02/2017, hai bên chốt nợ và lập Giấy mượn tiền ngày 28/02/2017, theo đó ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Mỹ H vay của ông T tổng số tiền gốc là 640.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm (từ ngày 28/02/2017 đến ngày 28/02/2018), đồng thời hai bên đã đến Văn phòng công chứng E lập Hợp đồng vay tiền thế chấp tài sản ngày 28/02/2017 và được công chứng, chứng thực theo quy định. Để bảo đảm khoản vay, ông S và bà H đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 2787xx do Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/7/2009 cho Hộ ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Mỹ H. Sau đó vợ chồng ông S, bà H vay tiếp của ông T số tiền là 20.000.000 đồng. Đến ngày 10/02/2018, ông Trần Văn S đã ký Giấy khất nợ (lần 1), xác nhận số tiền còn nợ ông Hồ Phi T số tiền 660.000.000 đồng và cam kết sẽ trả nợ gốc và lãi suất theo như hợp đồng; tiếp đó, ngày 24/3/2018 và ngày 20/5/2018, ông Trần Văn S đã ký Giấy khất nợ lần 2 và lần 3, xác nhận số tiền nợ và hẹn đến ngày 20/6/2018 sẽ trả nợ gốc và lãi suất, nhưng sau đó đã không trả được tiền nợ theo như cam kết.

[2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Mỹ H đều thừa nhận có nợ ông T 660.000.000 đồng và đã khất nợ nhiều lần, cho đến nay vẫn chưa trả nợ. Ông S và bà H cho rằng số tiền 640.000.000 đồng hai bên chốt nợ ngày 28/02/2017, thì đã bao gồm cả tiền gốc và lãi suất, nên vợ chồng ông S và bà H chỉ đồng ý trả cho ông T số tiền là 660.000.000 đồng. Tuy nhiên, phía nguyên đơn không đồng ý với ý kiến của bị đơn và xác định toàn bộ là tiền vay gốc; bị

đơn ông S, bà H không cung cấp được chứng cứ để chứng minh số tiền 640.000.000 đồng là bao gồm tiền vay gốc và lãi gộp lại, nên lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận vợ chồng ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Mỹ H có vay của ông Hồ Phi T số tiền là 660.000.000 đồng. Đến hạn, mặc dù ông T đã yêu cầu thanh toán nợ nhiều lần nhưng ông S và bà H vẫn chưa trả được bất kỳ khoản nợ gốc và lãi nào, là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay. Bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông T, buộc vợ chồng ông S, bà H phải trả cho ông T số tiền nợ gốc là 660.000.000 đồng và tiền lãi suất, là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lãi suất: Hợp đồng vay có thỏa thuận lãi suất và tại các Giấy khất nợ lần 1, lần 2 và lần 3 đều thể hiện lãi suất các bên thỏa thuận là 1,8% (Ban đầu là 2% và ông T tự sửa lại thành 1,8%) và thời điểm tính lãi là từ ngày 28/02/2017. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T yêu cầu tính lãi suất chậm trả đối với số tiền còn nợ theo mức là 1,2%/tháng. Xét thấy, yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 357 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nên bản án sơ thẩm buộc ông S, bà H phải trả tiền lãi trên số nợ gốc cho ông T, là có căn cứ. Do đó, ý kiến người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị tính toán lại mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, là không có cơ sở chấp nhận. Cụ thể tiền lãi như sau:

Đối với khoản vay 640.000.000 đồng vào ngày 28/02/2017, thời gian tính lãi từ ngày 28/02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/12/2022) là : (640.000.000 đồng x 1,2%/tháng) x 05 năm 09 tháng 21 ngày = 535.296.000 đồng.

Đối với khoản vay 20.000.000 đồng, thời gian tính lãi suất từ ngày 10/02/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/12/2022) là: (20.000.000 đồng x 1,2%/tháng) x 04 năm 10 tháng 09 ngày = 13.992.000 đồng.

Tổng tiền lãi của hai khoản vay là 549.288.000 đồng.

[5] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Phi T, buộc vợ chồng ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Mỹ H phải trả cho ông Hồ Phi T số tiền nợ gốc là 660.000.000 đồng và tiền lãi suất là 549.288.000 đồng, tổng cộng cả nợ gốc và lãi suất là 1.209.288.000 đồng, là có căn cứ và đúng pháp luật. Do đó, kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn S là không có cơ sở chấp nhận, nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là đúng đắn.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Văn S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, do ông S thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn S; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2022/DS-ST, ngày 19/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng: Điều 357; Điều 463; Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Phi T.

1. Buộc bị đơn vợ chồng ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Mỹ H phải trả cho ông Hồ Phi T tổng số tiền là 1.209.288.000 đồng (một tỷ hai trăm lẻ chín triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 660.000.000 đồng (sáu trăm sáu mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 19/12/2022 là 549.288.000 đồng (năm trăm bốn mươi chín triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Sau khi ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Mỹ H trả hết số tiền nợ, thì ông Hồ Phi T phải trả lại cho ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Mỹ H 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 2787xx do Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/7/2009, đứng tên Hộ ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Mỹ H.

3. Về án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm: Ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Mỹ H được miễn án phí dân sự sơ thẩm; ông Hồ Phi T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn S được miễn án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0011058 ngày 31/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao (Vụ 2);
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea H'leo;
- TAND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Công Bình